

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-6-2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Ngọc
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: 1A/48 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: 1A/48 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn K kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 22/02/2019. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập, chửi bới xúc phạm chị T nhiều lần. Cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, thậm chí vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau đã gây ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của con. Nhận thấy, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng với anh K nên chị T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trần Diệu A, sinh ngày 02/11/2019. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Bùi Văn K:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu anh Bùi Văn K có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Trần Thị T nhưng anh K không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập anh K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 18/4/2022, nhưng anh K vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh K đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K đã có những mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi chị T nộp đơn ly hôn, Tòa án đã triệu tập anh K đến Tòa nhiều lần nhưng anh K không đến, chứng tỏ anh K cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Do vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Con chung là con gái, còn nhỏ tuổi cần được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Văn K đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/02/2019 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh B cấp nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị T thì thực tế cuộc sống vợ chồng của chị và anh K có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập, chửi bới xúc phạm chị T nhiều lần. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh K đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K không đến tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính anh K cũng không quan tâm và không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Trần Thị T và anh Bùi Văn K có 01 con chung là cháu Bùi Trần Diệu A, sinh ngày 02/11/2019. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét cháu Bùi Trần Diệu A là con gái, còn nhỏ cần sự gần gũi và chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Bùi Văn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Trần Thị T đối với anh Bùi Văn K.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn K (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/02/2019 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp).

2. Về con chung: Buộc anh Bùi Văn K giao con chung là cháu Bùi Trần Diệu A, sinh ngày 02/11/2019 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T không yêu cầu anh Bùi Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị T phải tạo điều kiện cho anh Bùi Văn K thăm nom con, không ai có quyền cản trở anh Bùi Văn K thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số 0003385 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Bùi Văn K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**





